

Số: 189/KH-THCSMP

Mỹ Phước, ngày 06 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường
năm học 2022 - 2023

Căn cứ Kế hoạch 276/KH-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc triển khai “Chương trình Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thị xã Bến Cát;

Căn cứ Kế hoạch 107/KH-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn thị xã Bến Cát giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch 451/KH-PGDĐT ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Phòng GDĐT thị xã Bến Cát về việc thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn thị xã Bến Cát năm 2022;

Thực hiện kế hoạch giáo dục trường THCS Mỹ Phước năm học 2022 - 2023;

Trường THCS Mỹ Phước xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác chuyển đổi số năm học 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Phát triển hạ tầng CNTT và truyền thông thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt; phát triển ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng dùng chung hạ tầng số, nền tảng số đảm bảo khả năng sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích thông minh để kịp thời đưa ra các quyết sách chính xác trong hoạt động quản lý nhà nước. Áp dụng hiệu quả các giải pháp CNTT tiên tiến, an toàn, phù hợp thực tiễn để tạo sự đột phá, rút ngắn thời gian chuyển đổi số.

Lấy người học và người dân làm trung tâm quá trình chuyển đổi số; lợi ích của người học, người dân làm thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi số trong nhà trường và ngành.

2. Yêu cầu

Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số của thành công để xây dựng “cơ quan số” tại đơn vị, địa phương, toàn ngành Giáo dục; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của đơn vị, và toàn ngành.

Trong chỉ đạo, điều hành, mỗi cán bộ quản lý phải chuyển đổi nhận thức, xuất phát từ người đứng đầu phương châm “4 không, 1 có”, cụ thể: Làm việc



không giấy tờ, hội họp không tập trung; dịch vụ công không gặp mặt; thanh toán không dùng tiền mặt và có số hóa thông tin, dữ liệu.

Mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường không ngừng nỗ lực, chủ động cập nhật bổ sung kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc phù hợp với yêu cầu, định hướng về chuyển đổi số.

I. MỤC TIÊU

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 100% học sinh và giáo viên có đủ điều kiện (phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến

+ Triển khai thống nhất một số nền tảng dạy và học trực tuyến được 100% học sinh sử dụng.

+ Hình thành các kho học liệu chia sẻ, trực tuyến được chọn lọc một cách phù hợp trong nhà trường, đáp ứng nhu cầu về tài liệu học tập của học sinh.

+ Thực hiện đăng ký tuyển sinh đầu cấp bằng hình thức trực tuyến.

+ Sử dụng chữ ký số từ xa VNPT Smart CA của tập đoàn VNPT.

+ Thực hiện các khoản thu và thanh quyết toán không dùng tiền mặt.

+ Cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

- Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý của nhà trường được thiết lập và vận hành, khai thác hiệu quả, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu của nhà trường được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục, ngành giáo dục và đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với cơ sở dữ liệu ngành của Sở, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Hệ thống quản lý nhà nước về giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số; các hoạt động nghiệp vụ được thực hiện trên môi trường số, hồ sơ giấy được cắt giảm.

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân: thủ tục hành chính tạo điều kiện cho người học và người dân tiếp cận dễ dàng, hài lòng về chất lượng dịch vụ hỗ trợ trên môi trường số của ngành giáo dục.

III. NHIỆM VỤ

1. Chuyển đổi nhận thức

Triển khai học tập, quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 19/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy về chuyển đổi số tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết 05);

Căn cứ Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của ủy ban nhân dân

tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 25/10/2021 của ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc triển khai “Chương trình Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thị xã Bến Cát;

Căn cứ Kế hoạch 107/KH-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn thị xã Bến Cát giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch 451/KH-PGDĐT ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Phòng GDĐT thị xã Bến Cát về việc thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn thị xã Bến Cát năm 2022;

Xuất phát từ nhận thức của người đứng đầu về chuyển đổi số, tạo sức lan tỏa, đồng tình ủng hộ của mỗi cá nhân trong đơn vị cũng như tổ chức, cá nhân ngoài đơn vị thông qua vai trò, lợi ích của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đem lại.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, huy động sự tham gia một cách chủ động và tích cực của phụ huynh, tổ chức, công dân và doanh nghiệp cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong chuyển đổi số ngành Giáo dục.

2. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu của trường, của ngành

a) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo nhà trường:

- Tiếp tục duy trì, phát triển hệ thống CSDL ngành tích hợp, đồng bộ với các hệ thống phần mềm quản lý nhà trường.

- Phát triển, hoàn thiện CSDL về giáo dục, ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu chuyên ngành.

- Từng bước xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu mở về giáo dục, thu thập dữ liệu kết hợp với dữ liệu chia sẻ từ các hệ thống CSDL khác hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở trong nhà trường, ngành GD và mạng thông tin giáo dục quốc gia.

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục của tỉnh, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục công thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các



cơ sở giáo dục.

- Xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin học tập, thông tin giáo dục dựa trên nền tảng mạng xã hội.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục; góp phần hoàn thiện cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục tỉnh Bình Dương (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo).

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ nhà trường, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

b) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới các cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu tỉnh, toàn quốc của ngành giáo dục.

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả

c) Xây dựng môi trường số kết nối

- Xây dựng, triển khai nền tảng tích hợp cơ sở dữ liệu giáo dục toàn ngành, bảo đảm khả năng đồng bộ với các nền tảng chuyển đổi số của tỉnh, bảo đảm các yêu cầu về xác thực, bảo mật và an toàn thông tin.

- Tiếp tục triển khai hệ thống chữ ký số, chứng thư số trong phạm vi toàn ngành phục vụ việc xác thực dữ liệu và số hóa, phù hợp với nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia.

- Lựa chọn các nền tảng siêu ứng dụng di động, có khả năng đồng bộ với các hệ thống thông tin của ngành để cung cấp các dịch vụ giáo dục, hướng tới mạng xã hội dịch vụ giáo dục.

3. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo tất cả các nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

Thường xuyên cho tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn, tập huấn cho đội ngũ giáo viên phụ trách CNTT của trường học. Hợp tác với các doanh nghiệp CNTT và viễn thông lớn, có uy tín để phối hợp triển khai các hội nghị bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

- Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực của tỉnh theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức liên quan đến cung cấp các số liệu kịp thời theo sự chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên.

4. Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

Phối hợp với các đơn vị viễn thông thực hiện khảo sát đánh giá hạ tầng CNTT trong nhà trường. Từ đó định hướng chỉ đạo dành nguồn kinh phí đầu tư phát triển hạ tầng CNTT từng bước đáp ứng nhu cầu của việc chuyển đổi số.

5. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách

- Rà soát, ban hành hệ thống văn bản quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu; trong ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh trên cơ sở các văn bản quy định của cấp trên. Thực hiện quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học do Bộ GDĐT ban hành.

- Hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa đơn vị, cơ quan trong ngành giáo dục và ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn kết nối kỹ thuật triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục; ban hành tiêu chí kỹ thuật của các nền tảng số dùng trong nhà trường ngành giáo dục.

- Tham gia góp ý, hoàn thiện các chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; chính sách máy tính giáo dục cho học



sinh; chính sách Internet giáo dục trên địa bàn tỉnh và thị xã.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm công tác chuyển đổi số đối trong đơn vị.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước, sử dụng nguồn chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm đối với các hoạt động chuyển đổi số của đơn vị như sau:

- Bảo trì phần mềm Misa.
- Bảo trì hệ thống Website.
- Mua và bảo trì phần mềm tuyển sinh đầu cấp.
- Mua và bảo trì phần mềm ký số từ xa.
- Triển khai thu phí qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.
- Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị: máy tính, bảng tương tác,...

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Xây dựng kế hoạch chi tiết cụ thể của đơn vị triển khai việc chuyển đổi số năm 2022 trong phạm vi, quyền hạn được giao đảm bảo đạt mục tiêu đề ra.

- Hằng năm rà soát, đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT từ đó xác định nhu cầu đầu tư mua sắm trang thiết bị thực hiện việc chuyển đổi số.

Trên đây là kế hoạch thực hiện chuyển đổi số của trường THCS Mỹ Phước năm học 2022 - 2023./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (b/c);
- Các Đoàn thể, các tổ CM;
- Niêm yết;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Sang